

T

Ữ LÝ THUYẾT ĐẾN
THỰC TIỄN

TIẾP THEO KỲ TRƯỚC

THAM KHẢO

Mặc dù các lý do lý thuyết cho biết tại sao lạm phát ảnh hưởng không tốt cho sự tăng trưởng, nhưng chứng cứ rõ ràng để chứng minh điều đó cũng không có được bao nhiêu. Thật vậy, tăng trưởng kinh tế toàn cầu bị sụt giảm trong thập niên 1970 trùng hợp với làn sóng lạm phát. Thế nhưng sự tăng trưởng nhanh chóng trong thập niên 1950 và 1960 là nhờ ở sự lạm phát vừa phải trong giai đoạn đó sao? Nó có thể được giải thích bằng những nhân tố khác, chẳng hạn sau Thế chiến II có sự thu hút đầu tư vào kỹ nghệ và tự do hóa mậu dịch toàn cầu.

Nhưng các quốc gia có mức lạm



LẠM PHÁT

phát cao sẽ tăng trưởng chậm hơn hay nhanh hơn so với các quốc gia có mức lạm phát thấp? Không có câu trả lời dứt khoát. Biểu đồ 3 và 4 biểu thị mối quan hệ giữa mức tăng trưởng trong GDP/đầu người và lạm phát trong 20 quốc gia kỹ nghệ trong hai giai đoạn (55 - 73 và 74 - 91). Trong giai đoạn 55-73 (có nghĩa là khi lạm phát vừa phải, hãy xem biểu đồ 3) dường như sự tăng trưởng và lạm phát cùng đi một hướng: những quốc gia có mức lạm phát cao nhất có khuynh hướng tăng trưởng mạnh nhất trong GDP/đầu người. Dù sao mối tương quan đó phụ thuộc vào Nhật Bản nhiều hơn, Nhật Bản vừa có tỷ lệ lạm phát trung bình cao nhất (5,8%) vừa có mức tăng trưởng mạnh nhất (8,6%). Trừ Nhật Bản ra, các quốc gia khác ít thấy có mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng.

Từ năm 1973 trở đi thì ngược lại (xem biểu đồ 4), các quốc gia có mức lạm phát thấp có khuynh hướng tăng trưởng hơi nhanh hơn. Trong các quốc gia có mức lạm phát trung bình dưới 6%, mức tăng trưởng tính theo đầu người trung bình là 2,1%; các quốc gia có mức lạm phát từ 6-10%, mức tăng trưởng là 1,9%; và các quốc gia có mức lạm phát trên 10%, mức tăng trưởng trung bình là 1,7%.

Nhưng có 4 trường hợp ngoại lệ đối với luật này, đó là: Ai Nhĩ Lan, Ý, Tây Ban Nha và Thụy Sĩ. Riêng Thụy Sĩ chỉ tăng trưởng được có 1,1% một năm suốt từ 1974-1991, mặc dù có mức

THẤP Ở MỨC BAO NHIÊU LÀ ĐỦ?

lạm phát thấp hàng thứ 2 trong số 20 nước trong bảng. Trái lại Ý, Tây Ban Nha và Ai Nhĩ Lan đều tăng trưởng mạnh, mặc dù có tỷ lệ lạm phát trên 10%. Đến đây ta mới thấy tại sao sự liên kết giữa lạm phát và tăng trưởng là không vững chắc. Trong số 20 quốc gia (trong bảng) thì Ý, Tây Ban Nha và Ai Nhĩ Lan vào đầu những năm 70 có số lợi tức tính theo đầu người rất khá. Do đó họ có nhiều cơ hội để đuổi kịp, và có được sự tăng trưởng nhanh hơn trong tiềm năng sản xuất của họ so với các quốc gia khác - tiềm lực đó chỉ Nhật Bản mới có được hồi thập niên 1950 và 1960. Trong khi đó thì Thụy Sĩ, một quốc gia giàu có nhất thế giới thì lại ít có cơ may để tăng trưởng như vậy.

Một nhân tố khác có thể làm mờ đi một mối quan hệ giữa tăng trưởng và lạm phát, đó là cách dự báo lạm phát tụt lại sau các sự kiện. Sau nhiều thập niên người ta hy vọng giá cả sẽ vẫn còn ổn định khắp nơi trong thời gian dài,

thì nạn lạm phát, trong tương lai đã đánh giá thấp trong suốt hai thập niên 1950-1970. Điều đó làm mức lãi suất hạ thấp một cách không bình thường. Trên lý thuyết các quốc gia nào có mức lãi suất cao, và do đó dễ bị thay đổi khi tỷ lệ lạm phát có thể phải cao hơn mức lãi suất thực, còn trên thực tế, mức lãi suất trung bình của các quốc gia đó thấp hơn, sẽ đẩy tỷ lệ tăng trưởng của họ vượt lên.

Chẳng hạn (xem bảng 5) nếu các quốc gia kỹ nghệ được chia thành nhóm tùy theo tỷ lệ lạm phát của họ trong thời gian từ 1974-1983, mức lãi suất thực dài hạn đạt trung bình 2,1% trong các quốc gia có mức lạm phát thấp nhất, 1,2% với các quốc gia có mức lạm phát trung bình, và thấp hơn sự bị lãi suất âm trong các quốc gia có mức lạm phát cao nhất.

Nhưng cái trò này không thể tiếp diễn, thị trường tài chính sẽ không đánh lừa lần thứ hai. Từ năm 1983 như trong bảng đã cho thấy, các quốc gia có lạm phát cao có mức lãi suất thực cao hơn các quốc gia có lạm phát thấp gây những hậu quả rất nghiêm trọng ngược lại với các năm trước đó.

Nhưng mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp thì lại rõ ràng hơn. Trong suốt các năm từ 1974 đến 1991 các quốc gia có mức lạm phát th

ường có tỷ lệ thất nghiệp thấp (xem bảng 6). Điều đó không chối cãi rằng ở một số nước quá trình làm giảm lạm phát đã đẩy nạn thất nghiệp tạm thời lên cao hơn. Nhưng xét chung, tình trạng có thất nghiệp cao khó được mức lạm phát thấp, nhưng mức lạm phát thấp có lẽ thuận lợi cho tạo ra công ăn việc làm hơn.

Một số công trình nghiên cứu bằng phương pháp kinh toán học tìm vi đã mở ra cho thấy có nhiều nhân tố khác nhau ảnh hưởng đến sự tăng trưởng. Một công trình nghiên cứu của hai nhà kinh tế học ở Ngân hàng Canada trong 62 quốc gia trong suốt năm đã đi đến kết luận rằng, làm giảm lạm phát được 1% thì tỷ lệ tăng trưởng gia tăng hàng năm được 1/10%. Nghiên cứu mới đây của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) cũng đi tới kết luận tương tự. Tăng trưởng như vậy có vẻ quá ít ỏi nhưng với thời gian dài nó cũng tạo nên một sự gia tăng đáng kể. Theo ý kiến của nhỏ

ngiên cứu kể trên thì nếu một quốc gia cắt giảm tỷ lệ lạm phát từ 5% xuống còn 0% thì trong 20 năm mức tăng trưởng của quốc gia ấy sẽ tăng lên được 10% cao hơn là nếu làm khác đi.

Giả sử rằng lợi ích của sự thay đổi mức lạm phát từ 3% xuống còn 0% không ít hơn sự thay đổi mức lạm phát từ 6% xuống còn 3% (trong thực tế các lợi ích có thể lớn hơn bởi sự ổn định giá cả sẽ loại bỏ nhiều hoạt động phi sản xuất) đến đây mục tiêu của vấn đề phải chăng là phải nhắm tới ổn định giá cả hay chung quy là các lợi ích dài hạn sẽ vượt trội các phí tổn ngắn hạn (1)

Trên lý thuyết, sự ổn định giá cả có thể tối đa hóa sự tăng trưởng kinh tế trong một nhà nước có sự ổn định lâu dài. Nhưng trong ngắn hạn cũng có những cái giá phải trả để đem cái này bù cho cái kia.

Khi lạm phát giảm, lãi suất thực tế dài hạn tăng lên và duy trì ở mức cao cho tới khi các nhà đầu tư tin rằng đã có được một sự ổn định giá cả rồi.

Một nghiên cứu mới đây của Stephen King, một nhà kinh tế học ở Janes Capel, một công ty buôn bán chứng khoán ở London kết luận rằng, hiện nay đối với một vài quốc gia, lạm phát ở mức zero là mục tiêu không thể thực hiện được. Theo ông, trong ngắn hạn cái giá phải trả để chống lạm phát sẽ rất lớn, và một sự đình trệ kéo dài sẽ buộc các nhà hoạch định chính sách vào một tình thế ngược lại. Những cố gắng để ổn định giá cả sẽ bị thất bại, trừ phi ta có được những tiền đề nhất định: đặc biệt nợ nần, trong lĩnh vực tư nhân phải ở vào mức có thể chịu đựng được, và thị trường lao động phải hoạt động hữu hiệu, với chế độ lương bổng linh động.

Ông King đã chia các quốc gia kỹ nghệ lớn thành 6 loại tùy theo các tiền đề nào mà các quốc gia này có được. Và ông kết luận rằng chỉ có 2 trong số 6 quốc gia đó là Đức và Nhật Bản là có thể đương đầu với nạn lạm phát mà thôi. Đối với các quốc gia còn lại, thì ông King e rằng sự sốt sắng quá mức để đẩy lùi lạm phát sẽ tự chuốc lấy thất bại mà thôi.

VẬNG, NẾU CÁC CHÍNH PHỦ CHỊU CẮT GIẢM CÁC PHÍ TỔN NGẮN HẠN.

Bài học thực tiễn này là không phải các chính phủ ngay tức thì từ bỏ cuộc chiến đấu chống lạm phát, nhưng là họ phải cố gắng nhiều hơn nữa để giảm các phí tổn ngắn hạn của cuộc chiến đấu này. Các chính sách tài chính và tiền tệ chặt chẽ cũng chưa đủ: để làm giảm được cái giá phải trả (2) của công cuộc chống lạm phát, các chính phủ phải làm cho các công ty và giới công nhân từ bỏ hẳn thói quen lạm phát (*inflation habits*) (3) của họ và tìm cách ngăn chặn những sự cứng nhắc mang tính cơ chế (*institutional rigidities*), nên nhớ tính chất ấy chỉ duy trì mãi tình trạng lạm phát mà thôi.

Cũng cần nhấn mạnh tới tầm quan trọng của việc thực hiện các chính sách chống lạm phát đáng tin cậy, nhằm giảm thiểu khả năng xảy ra lạm phát trong tương lai và do đó giảm thiểu được những thiệt hại của năng lực sản xuất rất cần thiết để đưa nền kinh tế vượt qua. Ưu tiên hàng đầu là đừng chạy theo quá mức sự kích thích ngắn hạn, mà phải thay đổi sách lược bằng cách thiết lập các ngân hàng trung ương độc lập. Rõ ràng chiến thắng để tranh thủ được sự độc lập lớn lao hơn của các ngân hàng trung ương

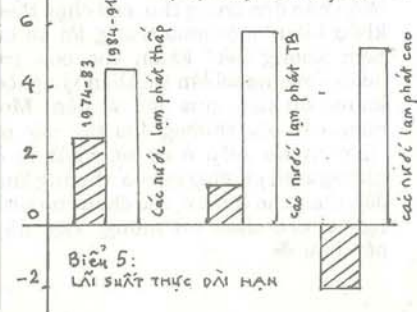
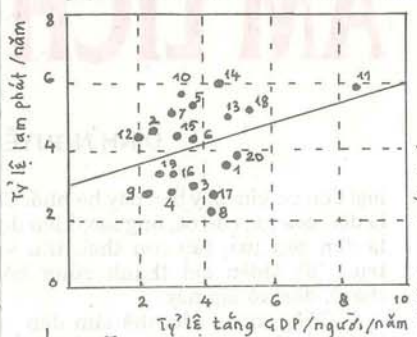
ở New Zealand và Canada trong các năm vừa qua, kết hợp với các mục tiêu lạm phát rõ ràng dứt khoát (*explicit inflation targets*) đã giúp tránh được khả năng xảy ra lạm phát trong tương lai, và giữ vững được mức lương bổng. Hai quốc gia ấy đã giảm lạm phát xuống còn khoảng 1%, mặc dù đang ở vào thời kỳ suy thoái kinh tế trầm trọng. New Zealand cuối cùng được hưởng những sự tưởng thưởng: sản xuất đã tăng trưởng gần 4% suốt 12 tháng qua, và hầu hết các nhà kinh tế còn dự báo sự tăng trưởng nhanh sẽ còn tiếp tục trong các năm tới.

Lạm phát ở mức zero không phải là phương thuốc thần kỳ có hiệu quả tức thời như một số người đã tuyên bố, thật ra về bản chất, lợi ích của nó có tính cách dài hạn. Trừ phi các chính phủ giảm được các phí tổn ngắn hạn của cuộc chiến đấu chống lạm phát bằng cách tấn công thẳng vào những sự cứng nhắc của phía cung (*attacking supply-side rigidities*) một mục tiêu vẫn còn bị lảng tránh. Nhưng các chính phủ sắp tới có thể phải thuyết phục các cá nhân cũng như các công ty tin rằng, chính phủ hứa sẽ ổn định giá cả, làm được như vậy thì chẳng bao lâu các tưởng thưởng kinh tế sẽ tới liền sau ♣

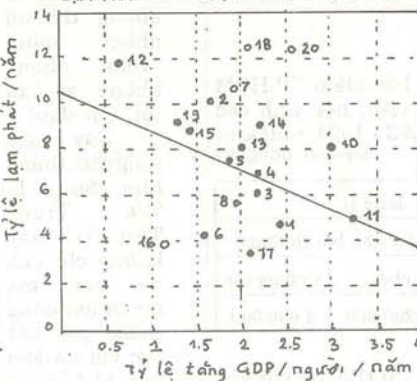
TRẦN NGỌC XUÂN dịch (The Economist 7.11.1992)

- (1) Cái giá phải trả để đạt được các lợi ích dài hạn
- (2) Còn gọi là phí tổn (*cost* hoặc *short-term cost*)
- (3) Thói quen lạm phát: Chẳng hạn trong tình trạng có lạm phát, công nhân thường đòi tăng lương, các công ty đòi tăng giá cả hàng hóa của họ, còn ngân hàng thì đòi tăng lãi suất...

BIỂU 3: LẠM PHÁT VÀ TĂNG TRƯỞNG 1955-73

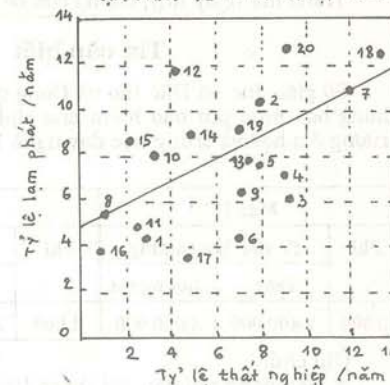


BIỂU 4: LẠM PHÁT VÀ TĂNG TRƯỞNG 1974-91



1. Áo
2. Anh
3. Bỉ
4. Canada
5. Đan Mạch
6. Hà Lan
7. Ireland
8. Luxembourg
9. Mỹ
10. Na Uy

BIỂU 5: LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP 74-91



11. Nhật
12. New Zealand
13. Pháp
14. Phần Lan
15. Thụy Điển
16. Thụy Sĩ
17. Tây Đức
18. Tây Ban Nha
19. Úc
20. Ý